TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2020/HNGĐST
Ngày 15-9-2020
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Rô Be**

2. Bà **Huỳnh Ái Lan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Luyến** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2020/TLST–HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Túy P** – sinh năm 1980

HKTT: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: Lô L 10-07 khu nhà ở Sao Mai, khu phố Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Đoàn Xuân V** - sinh năm 1980

HKTT: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: Lô L 10-07 khu nhà ở Sao Mai, khu phố Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

(Hai bên đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Túy P trình bày:***

Chị và anh Đoàn Xuân V tự quen biết, tìm hiểu và đi đến tổ chức cưới vào năm 2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang ngày 04/4/2003. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với gia đình bên chồng, đến năm 2017 thì vợ chồng mua nhà tại khu nhà ở Sao Mai, khu phố Đ, thị trấn T, huyện T để gia đình sinh sống.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V hay đi uống rượu, về đến nhà chửi bới, đánh đập vợ con, chị và các con lo sợ, phải bỏ nhà đi trốn dẫn đến gia đình không hạnh phúc, tâm lý các con bị ảnh hưởng. Từ tháng 06/2020, chị và các con lo sợ, không thể sống chung với anh V được nữa nên đã đi khỏi nhà từ đó đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, bởi lẽ chị luôn phải sống trong sự lo sợ rằng anh V sẽ gây nguy hại đến sức khỏe và tính mạng của bốn mẹ con. Chị và anh V đã ly thân với nhau từ tháng 06/2020 đến nay.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung:

1. Đoàn Nguyễn Hải D – sinh ngày 04/10/2004

2. Đoàn Nguyễn Thái A1 – sinh ngày 06/7/2009

3. Đoàn Thiên A2 - sinh ngày 07/8/2013

Các con đều đã có giấy khai sinh và hiện đang sống chung với chị P.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị P yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị P yêu cầu được ly hôn với anh V.

- *Về quan hệ con chung:* Chị P yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Nếu Hội đồng xét xử giao con cho anh V nuôi dưỡng thì chị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đ/tháng/03 cháu cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Đoàn Xuân V trình bày:***

Anh V thống nhất với lời trình bày của chị P về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh đi uống rượu, về đến nhà có chửi bới vợ con dẫn đến gia đình không hạnh phúc, tâm lý con cái bị ảnh hưởng và có lần đánh chị P. Tuy nhiên, anh có những lời nói, hành động đó là do anh uống rượu dẫn đến say rượu nên khi anh về nhà mà chị P cằn nhằn thì khiến anh bực tức, thiếu kiềm chế. Từ tháng 6/2020, khi vợ và các con anh bỏ nhà đi thì anh đã thay đổi, anh không còn uống một giọt rượu nào nữa, anh đã suy nghĩ rất nhiều về việc mình đã làm, tự hứa bản thân mình phải thay đổi và anh đang cố gắng thay đổi dần dần. Vợ chồng anh chị đã ly thân với nhau từ tháng 06/2020 đến nay.

Tại phiên tòa, anh V yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh không đồng ý ly hôn với chị P, vì anh còn thương vợ thương con, muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ để cùng nhau nuôi dưỡng, giáo dục con cái. Anh cam kết nếu vợ chồng đoàn tụ thì anh sẽ sửa đổi như những gì mà chị P mong muốn, anh sẽ trở thành người chồng, người cha tốt.

- *Về quan hệ con chung:* Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị P cấp dưỡng. Nếu Hội đồng xét xử giao con cho chị P nuôi dưỡng thì anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 700.000đ/tháng/cháu cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên tòa:***

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội dồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Túy P.

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị Túy P ly hôn với anh Đoàn Xuân V.

+ *Về quan hệ con chung:* Giao 03 cháu gồm: Đoàn Nguyễn Hải D – sinh ngày 04/10/2004, Đoàn Nguyễn Thái A1– sinh ngày 06/7/2009 và Đoàn Thiên A2 - sinh ngày 07/8/2013 cho chị P nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tụ nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh Đoàn Xuân V, anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 700.000/tháng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

+ *Về tài sản chung:* Chị P và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

+ *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Túy P được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp.

Xét yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Nguyễn Thị Túy P, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy, chị Nguyễn Thị Túy P và anh Đoàn Xuân V chung sống với nhau được Uỷ ban Nhân dân xã T, huyện T tỉnh Kiên Giang cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 15, quyển số 01, ngày 04/4/2003 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất công nhận đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] *Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P:*

Xét thấy, quá trình vợ chồng chị P và anh V chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V hay đi uống rượu, về đến nhà chửi bới, đánh đập vợ con, khiến chị và các con lo sợ, cứ mỗi lần như vậy là phải bỏ nhà đi trốn dù là ban ngày hay ban đêm, dẫn đến gia đình không hạnh phúc, tâm lý con cái bị ảnh hưởng. Từ tháng 06/2020 chị và các con lo sợ không thể sống chung với anh V được nữa nên đã đi khỏi nhà từ đó đến nay. Bởi vì chị P luôn phải sống

trong sự lo sợ rằng anh V sẽ gây nguy hại đến sức khỏe và tính mạng của bốn mẹ con, nên chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được và cương quyết xin ly hôn. Đồng thời, bản thân anh V cũng thừa nhận là có anh đi uống rượu, về đến nhà có chửi bới vợ con dẫn đến gia đình không hạnh phúc, tâm lý con cái bị ảnh hưởng.

Ngoài ra, theo Biên bản xác minh ngày 17/8/2020 của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang thì đại diện Ban lãnh đạo khu phố Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cho biết là chị P và anh V chung sống với nhau tại địa phương từ khoảng 2, 3 năm nay, nhưng chưa đăng ký tạm trú. Địa phương có nắm được thông tin là chị P và anh V có mâu thuẫn với nhau, nhưng nguyên nhân cụ thể như thế nào thì địa phương không biết vì không có ai trình báo. Còn theo Biên bản xác minh ngày 25/8/2020 của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang thì đại diện Ban lãnh đạo ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cho biết là địa phương biết rõ về mâu thuẫn giữa chị P và anh V, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh V ghen tuông và hay đánh vợ, chị P đã có trình báo với địa phương và địa phương cũng đã tiến hành hòa giải 02 lần để động viên anh chị hàn gắn và về chung sống với nhau. Trong cả hai lần hòa giải này anh V đều thừa nhận có đánh vợ, đều xin lỗi vợ và cam kết sẽ thay đổi, không đánh đập vợ với sự chứng kiến của ban lãnh đạo ấp và cha mẹ hai bên. Từ cuối năm 2016 thì chị P và anh V chuyển về sinh sống tại chợ Sao Mai, khu phố Đ, thị trấn T nên địa phương không còn nắm được thông tin gì về mâu thuẫn giữa chị P và anh V nữa. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị P trình bày là phù hợp.

Xét lời trình bày của anh V là không đồng ý ly hôn và xin được hàn gắn, đoàn tụ với vợ con: Xét thấy, anh V cho rằng việc anh có những lời nói, hành động đó là do anh uống rượu say cộng thêm khi về nhà bị chị P cằn nhằn nên khiến anh bực tức, thiếu kiềm chế và từ tháng 6/2020, khi vợ và các con anh bỏ nhà đi thì anh đã thay đổi; tuy nhiên, chị P vẫn kiên quyết xin ly hôn, không đồng ý tiếp tục sống chung với anh V nữa. Do vậy, yêu cầu của anh V xin được đoàn tụ là không có cơ sở.

Mặt khác, chị Nguyễn Thị Túy P và anh Đoàn Xuân V đã ly thân với nhau từ năm tháng 6/2020 đến nay. Chính vì thế, việc chị P yêu cầu được ly hôn với anh V là có căn cứ để chấp nhận.

[3] *Xét yêu cầu nuôi con của chị P, anh V:*

Xét thấy, anh V thừa nhận bản thân anh thường uống rượu và có hành vi chửi bới, đánh dập vợ con dẫn đến các con anh lo sợ, ảnh hưởng đến tâm lý nên không có

cơ sở chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh V. Đồng thời, theo biên bản tiếp xúc, ghi nhận nguyện vọng của các cháu Đoàn Nguyễn Hải D, Đoàn Nguyễn Thái A1 và Đoàn Thiên A2 thì nguyện vọng của cả ba cháu Hải D, Thái A1 và Thiên A2 đều là muốn được sống chung với mẹ là chị P. Từ trước đến nay chị P vẫn là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con, việc giao con cho chị P nuôi dưỡng sẽ đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của các con. Do vậy, yêu cầu nuôi con của chị P là có căn cứ.

[4] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Ghi nhận sự tự nguyện của anh V, trong trường hợp Hộ đồng xét xử giao con cho chị P nuôi dưỡng thì anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 700.000đ/tháng/cháu cho đến khi các cháu D, A1 và A2 đủ 18 tuổi.

[5] *Về tài sản chung:* Chị P và anh V xác nhận vợ chồng có tài sản chung nhưng để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hôi đồng xét xử miễn xét.

[6] *Về nợ chung:* Chị P và anh V xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Túy P:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Túy P được ly hôn với anh Đoàn Xuân V.

Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Đoàn Nguyễn Hải D – sinh ngày 04/10/2004, Đoàn Nguyễn Thái A1 – sinh ngày 06/7/2009 và Đoàn Thiên A2 - sinh ngày 07/8/2013 cho chị Nguyễn Thị Túy P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Anh Đoàn Xuân V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 700.000đ/tháng/cháu cho đến khi các cháu Đoàn Nguyễn Hải D, Đoàn Nguyễn Thái A1 và Đoàn Thiên A2 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về án phí:*** Chị Nguyễn Thị Túy P phải nộp 300.000đ.án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Đoàn Xuân V phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 18, Điều 19, Điều 21, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 175, Điều 177 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 và khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Túy P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Túy P được ly hôn với anh Đoàn Xuân V.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Đoàn Nguyễn Hải D – sinh ngày 04/10/2004, Đoàn Nguyễn Thái A1 – sinh ngày 06/7/2009 và Đoàn Thiên A2 - sinh ngày 07/8/2013 cho chị Nguyễn Thị Túy P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Đoàn Xuân V được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đoàn Xuân V về việc cấp dưỡng nuôi ba cháu Đoàn Nguyễn Hải D – sinh ngày 04/10/2004, Đoàn Nguyễn Thái A1 – sinh ngày 06/7/2009 và Đoàn Thiên A2 - sinh ngày 07/8/2013, mỗi cháu 700.000đ/tháng/cháu cho đến khi các cháu Đoàn Nguyễn Hải D, Đoàn Nguyễn Thái A1 và Đoàn Thiên A2 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị Túy P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000665, ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự

huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- *Về án phí cấp dưỡng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng:* Anh Đoàn Xuân V phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Minh Đạo